

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 115 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2023

V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đắc Sửu**, ông **Nguyễn Xuân Ngân**

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thỏa – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà; Nguyễn Thị Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST- HNGĐ, ngày 17/3/2023, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXX-ST, ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh; Trần Văn Ch, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị; Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà; Trần Thị Hiên, sinh năm 1965. Địa chỉ: Xóm Chi Kim, xã TC, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (con bà Trung). Có mặt

3.2. Bà; Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Thịnh Lương, xã TK, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (con bà Trung). Có mặt

3.3. Bà; Trần Thị Bảy, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm Thịnh Lương, xã TK, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (con bà Trung). Có mặt

3.4. Bà; Trịnh Thị Lịch, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (con dâu bà Trung). Có mặt

3.5 Bà; Trần Thị Mai, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Sơn Thịnh, xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (con bà Lịch, cháu nội bà Trung). Có mặt.

3.6. Anh; Trần Văn Quyền, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (con bà Lịch, cháu nội bà Trung). Vắng mặt

3.7. Bà; Phan Thị Hương sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An (con dâu bà Trung). Vắng mặt

3.8. Anh; Trần Văn Thuần, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An (con bà Hương, cháu nội bà Trung). Vắng mặt

3.9. Chị; Trần Thị Hiền, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An (con bà Hương, cháu nội bà Trung). Vắng mặt

3.10. Anh; Trần Văn Thìn, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An (con bà Hương, cháu nội bà Trung). Vắng mặt

3.11. Anh; Lê Văn Quân, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An (con bà Hào, cháu ngoại bà Trung). Vắng mặt

3.12. Anh; Lê Văn Thanh, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An (con bà Hào, cháu ngoại bà Trung). Vắng mặt

3.13. Bà; Phạm Thị Mùa, sinh năm 1967. Địa chỉ: Làng Điện Biên, xã SL, huyện KBang, tỉnh Gia Lai (con dâu bà Trung). Vắng mặt

3.14. Anh; Trần Văn Mạnh, sinh năm 1996; chị Trần Thị Mỹ Linh, sinh năm 1998; chị Trần Thị Việt Trinh, sinh năm 2000; chị Trần Thị Phi Nhung, sinh năm 2002. Địa chỉ: Làng Điện Biên, xã SL, huyện KBang, tỉnh Gia Lai (con bà Mùa, cháu nội bà Trung). Vắng mặt

3.15. Bà; Hoàng Thị Bích, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An. Có mặt

3.16. Anh; Phan Sỹ Hùng, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Thịnh Lương, xã TK, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An. Có mặt

3.17. Anh; Nguyễn Viết Chiến, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn An Phong, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

3.18. Ông; Nguyễn Danh Toàn, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An. Có mặt

3.19. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Số 169, Phố Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Có ông; Dương Lê Long, sinh năm 1980. Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

3.20. Chị; Trần Thị Phương, sinh năm 2001. Địa chỉ: Bản Cửa Rào, xã XL, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. (Con chị Hằng, anh Chương). Có mặt.

3.21. Chị; Trần Thị Thanh, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã TA, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (Con chị Hằng, anh Chương). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn anh Trần Văn Ch trình bày như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Trần Văn Ch kết hôn với chị Nguyễn Thị H, vào năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đến ngày 10/11/2005 mới đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (đăng ký lại), nơi quê ngoại của vợ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà nội ở xã TA, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới sống hạnh phúc bình thường. Đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 11/2020, nguyên nhân là do vợ chồng nghi kỵ nhau trong các mối quan hệ và hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh Trần Văn Ch xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- *Về con cái:* Vợ chồng có 03 con chung với nhau; gồm Trần Thị Phương, sinh ngày 12/12/2001, đã lấy chồng về huyện Tương Dương; Trần Thị Thanh, sinh ngày 17/09/2004, hiện nay đã đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh; cháu Trần Văn Nhật Huy, sinh ngày 30/12/2009, hiện tại đang học lớp 8 Trường THCS Thanh An. Ly hôn 02 con đầu đã thành niên, còn lại cháu thứ 3 anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* 01 ngôi nhà ngói 04 gian cấp 4, làm năm 2016, trên thửa

đất ở số 2, tờ bản đồ số 6, xã TA, huyện Thanh Chương; 01 thửa đất rừng sản xuất, số thửa 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, huyện Thanh Chương, có diện tích: 13.626 m²; 2.000 cây keo Tràm khoảng 4 năm tuổi, nằm trên thửa đất rừng sản xuất số 377; 01 Ràn ngói 3 gian; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 37E1 – 314.47 mang tên Nguyễn Thị H; 01 mái tôn trước nhà ngói 4 gian; 01 sân bê tông nằm dưới mái tôn; 01 sân bê tông (đường đi lại); 01 Nhà tắm và công trình vệ sinh, có bình nóng lạnh, Tệc nước và giá đỡ; 01 máy lạnh điều hòa; 01 mái tôn nằm trên nhà tắm; 01 Xái bếp, 01 nhà kho; 01 mái lợp ngói Prô xi măng nằm trước ràn ngói 3 gian; 01 cái giếng nước; 04 cây mít, 01 cây xoài, 05 cây ổi, 01 cây khế.

- *Về nợ*: Nợ anh Phan Sỹ Hùng, tiền mức Mương là: 30.000.000 đồng; nợ anh Trần Văn Toàn, tiền mua bán vật liệu, số tiền: 5.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Bích, số tiền: 4.000.000 đồng tiền cám con cò; nợ anh Nguyễn Viết Chiến, số tiền: 1.800.000 đồng tiền mua cám con cò; nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam, khoảng gần 50.000.000 đồng, vay năm 2018 chưa trả; nợ chị Nguyễn Thị Sáu, số tiền: 30.000.000 đồng.

Nay ly hôn về tài sản chung và nợ đề nghị Tòa án chia đôi cho hai người.

Ngoài các ý kiến đã trình bày, nguyên đơn không còn có thêm ý kiến gì nữa, hay bất cứ yêu cầu gì nữa.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị kết hôn với anh Trần Văn Ch, vào năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi quê ngoại của chị. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà nội ở xã TA, huyện Thanh Chương. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới sống hạnh phúc bình thường. Đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng hay đánh đập vợ; mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 11/2020, nguyên nhân là do chồng có quan hệ với người khác, về còn đánh đập chị và hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chồng làm đơn xin ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí ly hôn.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 03 con chung với nhau; gồm Trần Thị Phương, sinh ngày 12/12/2001, đã lấy chồng về huyện Tương Dương; Trần Thị Thanh, sinh ngày 17/09/2004 và Trần Văn Nhật Huy, sinh ngày 30/12/2009. Ly hôn 2 con đầu đã thành niên, còn lại cháu thứ 3 thì tùy theo nguyện vọng của con, tôi sẽ đồng ý để cho chồng nuôi.

- *Về tài sản chung*: 01 ngôi nhà ngói 04 gian cấp 4, làm năm 2016, trên thửa

đất ở số 2, tờ bản đồ số 6, xã TA, huyện Thanh Chương; 01 thửa đất rừng sản xuất, số thửa 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, huyện Thanh Chương, có diện tích: 13.626 m²; 2.000 cây keo Tràm khoảng 4 năm tuổi, nằm trên thửa đất rừng sản xuất số 377; 01 Ràn ngói 3 gian; 01 xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 37E1 – 314.47 mang tên Nguyễn Thị H; 01 mái tôn trước nhà ngói 4 gian; 01 sân bê tông nằm dưới mái tôn; 01 sân bê tông (đường đi lại); 01 Nhà tắm và công trình vệ sinh, có bình nóng lạnh, Tệc nước và giá đỡ; 01 máy lạnh điều hòa; 01 mái tôn nằm trên nhà tắm; 01 Xái bếp, 01 nhà kho; 01 mái lợp ngói Prô xi măng nằm trước ràn ngói 3 gian; 01 cái giếng nước; 04 cây mít, 01 cây xoài, 05 cây ổi, 01 cây khế.

- *Về nợ*: Nợ anh Phan Sỹ Hùng, tiền mức Mương là: 30.000.000 đồng; nợ anh Trần Văn Toàn, tiền mua bán vật liệu, số tiền: 5.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Bích, số tiền: 4.000.000 đồng tiền cám con cò; nợ anh Nguyễn Viết Chiến, số tiền: 1.800.000 đồng tiền mua cám con cò; nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam, khoảng gần 50.000.000 đồng, vay năm 2018 chưa trả; nợ chị Nguyễn Thị Sáu, số tiền: 30.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ly hôn chị Nguyễn Thị H đề nghị tài sản chung và nợ thì chia đôi cho 02 vợ chồng.

Ngoài các ý kiến trên, chị Nguyễn Thị H không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Danh Toàn trình bày như sau: Năm 2021 vợ chồng anh Chương và chị Hằng có mua vật liệu xây dựng để làm công trình phụ và hệ thống tự hoại, đã trả đang còn nợ anh với số tiền: 5.000.000 đồng chưa trả, vợ chồng cũng khát nhiều lần, nhưng chưa có trả. Nay đề nghị vợ chồng anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị H trả cho anh số tiền còn nợ là: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Bích trình bày như sau: Năm 2016 - 2017 vợ chồng anh Chương và chị Hằng có mua cám con cò của anh với số tiền: 4.000.000 đồng chưa trả. Nay anh đề nghị vợ chồng anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị H trả cho anh số tiền còn nợ là: 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Viết Chiến trình bày như sau: Tháng 6/2021 vợ chồng anh Chương và chị Hằng có mua cám con cò của anh với số tiền: 1.800.000 đồng chưa trả. Nay anh đề nghị vợ chồng anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị H trả cho anh số tiền còn nợ tôi là: 1.800.000 đồng (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Sỹ Hùng trình bày như

sau: Tháng 6/2020 vợ chồng anh Chương và chị Hằng có đến gặp anh nhờ mức đất, san lấp vườn cho vợ chồng anh Chương ở xã TA. Anh làm nghề máy mức, nên đến nhận san lấp cho vợ chồng. Tổng số tiền nhân công anh làm cho vợ chồng là 30.000.000 đồng, làm xong thì vợ chồng anh Chương khát nợ và khát mãi, đến nay cũng chưa trả cho bản thân anh. Đây là số tiền của cá nhân anh làm cho vợ chồng anh Chương. Nay anh đề nghị vợ chồng anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị H trả cho anh số tiền còn nợ tôi là: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Sáu trình bày như sau: Chị là chị ruột của anh Trần Văn Ch, chị thì Họ Trần, nhưng năm 1993 lấy chồng về xã TK, lúc đó các giấy tờ ở phía nhà chồng ghi tên là Nguyễn Thị Sáu, cho nên từ năm 1993 đến nay họ tên của chị là Nguyễn Thị Sáu. Tháng 6/2018 vợ chồng anh Chương và chị Hằng có nhờ chị vay hộ ngân hàng cho số tiền 30.000.000 đồng để về làm nhà; đến nay vợ chồng vẫn chưa trả. Nay chị đề nghị vợ chồng anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị H trả cho chị số tiền còn nợ là: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Khoản tiền cho vay này là của riêng cá nhân chị cho vợ chồng vay.

Đại diện ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày: Ngày 26/7/2019, Ngân hàng có cho hộ gia đình anh Trần Văn Ch số tiền 50.000.000 đồng, theo chương trình hộ nghèo 6600000715876701, hạn vay đến ngày 19/7/2024, nay vợ chồng ly hôn, ngân hàng đề nghị vợ chồng; sau khi ngân hàng khấu trừ đi số tiền tiết kiệm của vợ chồng tại ngân hàng; thì vợ chồng chỉ phải trả cho ngân hàng số tiền gốc đang nợ: 42.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày hôm nay là 153.979 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Hiên, bà Nguyễn Thị Sáu, bà Nguyễn Thị Bảy, bà Trịnh Thị Lịch, chị Trần Thị Mai, anh Trần Văn Quyền, bà Phan Thị Hương, anh Trần Văn Thuận, chị Trần Thị Hiên, anh Trần Văn Thìn, anh Lê Văn Quân, anh Lê Văn Thanh, bà Phạm Thị Mùa, anh Trần Văn Mạnh, chị Trần Thị Mỹ Linh, chị Trần Thị Việt Trinh, chị Trần Thị Phi Nhung trình bày như sau:

Ông Trần Văn Cháu, chết năm 1982 và bà Trần Thị Trung, sinh năm 1936, chết tháng 10/2001. Hai ông bà tôi sinh được 08 người con gồm: Trần Văn Hoa, sinh năm 1958, chết năm 1990, có vợ là Trịnh Thị Lịch và sinh được 02 người con gồm chị Trần Thị Mai và anh Trần Văn Quyền.

Người con thứ 2 của ông bà Trung là Trần Văn Huê, sinh năm 1961, chết năm 2014 có vợ là Phan Thị Hương, có 03 con gồm anh Trần Văn Thuận, chị Trần Thị Hiên và anh Trần Văn Thìn.

Người con thứ 3 là bà Trần Thị Hào, sinh năm 1964, chết tháng 3/2015, có chồng là Lê Văn Hải, sinh năm 1960 cũng đã chết năm 2016, có 02 con gồm anh Lê Văn Quân và anh Lê Văn Thanh. Người con thứ 4 là bà Trần Thị Hiên.

Người con thứ 5 bà Trung là ông Trần Văn Huân, sinh năm 1969, chết tháng 02/2021, có vợ là Phạm Thị Mùa, có 04 con là anh Trần Văn Mạnh, chị Trần Thị Mỹ Linh, chị Trần Thị Việt Trinh và chị Trần Thị Phi Nhung.

Người con thứ 6 là chị Nguyễn Thị Sáu, đến chị Trần Thị Bảy và người con út là Trần Văn Ch.

Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 6 tại xã TA, huyện Thanh Chương là của bố mẹ, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/1997, có diện tích khoảng 1.760 m², mang tên bà Trần Thị Trung (Chóu).

Khi bố mẹ qua đời không để lại di chúc gì cả. Năm 2001 chị Nguyễn Thị H lấy em út Trần Văn Ch, rồi ở chung cùng với mẹ được khoảng 01 năm thì mẹ chết.

Nay vợ chồng chị Hằng và anh Chương ly hôn, mọi người cũng biết chị Hằng không có tranh chấp hay yêu cầu gì cả đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 6, xã TA, huyện Thanh Chương; nên cá nhân các chị em và con cháu của bà Trung, ông Chóu cũng không có yêu cầu chia di sản thừa kế gì cả; tất cả đồng ý để lại riêng cho cậu em út Trần Văn Ch được quyền sử dụng thửa đất số 2, tờ bản đồ số 6 tại xã TA của bố mẹ để lại.

Nếu Tòa án giải quyết phân tài sản chung của vợ chồng chị Nguyễn Thị H và cậu em út Trần Văn Ch, mà Tòa án giao tài sản mà vợ chồng anh Chương đã xây dựng trên đất của bố mẹ, cho chị Hằng được quyền sở hữu, thì mọi người đề nghị chị Hằng tháo dỡ và di chuyển tài sản đi nơi khác để trả lại đất. Còn Tòa án mà giao các tài sản của vợ chồng cho anh Chương được quyền sở hữu, thì mọi người không yêu cầu cậu Chương tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác, mà mọi người tự giải quyết với nhau, vì mọi người thống nhất cho cậu em út Trần Văn Ch được quyền sử dụng thửa đất này.

Mọi người không có yêu cầu được chia thừa kế đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 6, xã TA, huyện Thanh Chương của mẹ là bà Trần Thị Trung. Vì điều kiện công việc, cho nên đề nghị Tòa án có thể cho phép mọi người được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Phương, Trần Thị Thanh trình bày như sau:

Các chị là con đẻ của ông Trần Văn Ch và bà Nguyễn Thị H; bố mẹ sinh

được 03 chị em, ngoài 02 người ra còn có em Trần Văn Nhật Huy, sinh ngày 30/12/2009. Nay bố mẹ ly hôn là việc của bố mẹ, khi làm đơn bố mẹ cũng không hỏi ý kiến gì cả; còn về phần tài sản đó là của bố mẹ, các con không có công sức đóng góp gì cả, nên không có yêu cầu; chỉ đề nghị là khi các con chưa lập gia đình, thì được phép đi về ở trên ngôi nhà của bố mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Trần Văn Ch được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: 02 cháu đầu đã thành niên, nên không xem xét, còn lại giao cháu Trần Văn Nhật Huy cho anh Trần Văn Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H. Về tài sản chung và nợ: Đề nghị Tòa án chia đôi cho 02 vợ chồng, nhưng đề nghị chia làm sao để đảm bảo giá trị tài sản, tránh phải chia mà dỡ đi, sẽ mất giá trị tài sản. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, để công khai chứng cứ và hòa giải, song một số người vắng, cho nên không thể tham gia việc hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt; đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị H, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2001, nhưng đến ngày 10/11/2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi quê của chị Nguyễn Thị H. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà nội ở xã TA, huyện Thanh Chương. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới sống hạnh phúc bình thường. Đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 11/2020, nguyên nhân là do vợ chồng nghi kỵ nhau trong các mối quan hệ và hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh anh Trần Văn Ch vẫn nhất quyết xin ly hôn; chị Nguyễn Thị H, cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của anh Trần Văn Ch, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho anh Trần Văn Ch được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung với nhau tên là Trần Thị Phương, sinh ngày 12/12/2001, đã lấy chồng về huyện Tương Dương; chị Trần Thị Thanh, sinh ngày 17/09/2004, hiện nay đã đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh; cháu Trần Văn Nhật Huy, sinh ngày 30/12/2009, hiện tại đang học lớp 8 Trường THCS Thanh An.

Xét thấy 02 cháu đã thành niên và không có yêu cầu gì, nên không xem xét; còn cháu Trần Văn Nhật Huy, cần giao cho anh Trần Văn Ch được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H, là hoàn toàn phù hợp với điều 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ:

- Hai đương sự đều thống nhất vợ chồng có các tài sản chung như sau: 01 ngôi nhà ngói 04 gian cấp 4, làm năm 2016, trên thửa đất ở số 2, tờ bản đồ số 6, xã TA, huyện Thanh Chương, trị giá: 245.088.000 đồng. 01 thửa đất rừng sản xuất, số thửa 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, huyện Thanh Chương, có diện tích: 13.626 m² có trị giá: 68.130.000 đồng. 2.000 cây keo Tràm khoảng 4 năm tuổi, nằm trên thửa đất số 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, có trị giá: 35.000.000 đồng. 01 Ràn ngói 3 gian nằm trên thửa đất rừng số 377, tờ bản đồ số 1, xã TA (*một phần nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 5 theo số liệu đo đạc cũ*) trị giá: 54.720.000 đồng. 01 xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 37E1 – 314.47 mang tên Nguyễn Thị H trị giá: 7.000.000 đồng. 01 mái tôn trước nhà ngói 4 gian trị giá: 5.200.000 đồng. 01 sân bê tông nằm dưới mái tôn trị giá: 5.200.000 đồng. 01 sân bê tông (đường đi lại) trị giá: 4.500.000 đồng. 01 Nhà tắm và công trình vệ sinh, có bình nóng lạnh, Tắc nước và giá đỡ trị giá: 3.976.000 đồng. 01 máy lạnh điều hòa trị giá: 2.000.000 đồng. 01 mái tôn nằm trên nhà tắm trị giá: 5.100.000 đồng. 01 Xái bếp trị giá: 1.146.000 đồng. 01 nhà kho trị giá: 1.238.000 đồng. 01 mái lợp ngói

Prô xi măng nằm trước ràn ngói 3 gian trị giá: 11.772.000 đồng. 01 cái giếng nước trị giá: 8.000.000 đồng. 04 cây mít, 01 cây xoài, 05 cây ôi, 01 cây khế trị giá tổng là: 2.200.000 đồng.

- Về nợ chung: Nợ anh Phan Sỹ Hùng, tiền mức Mương là: 30.000.000 đồng; nợ anh Trần Văn Toàn, tiền mua bán vật liệu, số tiền: 5.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Bích, số tiền: 4.000.000 đồng tiền cám con cò; nợ anh Nguyễn Viết Chiến, số tiền: 1.800.000 đồng tiền mua cám con cò; nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam: 42.153.979 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Sáu, số tiền: 30.000.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng có: 460.270.000 đồng. Tổng nợ chung của hai vợ chồng là: 112.953.797 đồng.

Hai bên đương sự đều đề nghị chia đôi tài sản chung và nợ chung vợ chồng cho hai người; xét thấy đề nghị này là có căn cứ để chấp nhận. Xét thấy hầu hết các tài sản chung của hai vợ chồng đều đang nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 6, xã TA, huyện Thanh Chương là di sản thừa kế của bố mẹ anh Trần Văn Ch để lại; cho nên cần giao tất cả các tài sản này cho anh Trần Văn Ch được quyền sở hữu.

Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu thửa đất rừng sản xuất số 377 và các cây Keo Tràm nằm trên thửa đất này và giao quyền sở hữu 01 cái Ràn ngói 3 gian, nằm trên thửa đất số 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, là hoàn toàn phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với nợ, thì trên cơ sở cân đối tài sản chung của mỗi người được hưởng, để giao trách nhiệm trả nợ cho từng người, sau khi cân đối tổng số tài sản và tổng số nợ phải trả và trích trả phân chênh lệch tài sản.

[5] Xét ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

5.1. Xét ý kiến của bà Hoàng Thị Bích, anh Phan Sỹ Hùng, anh Nguyễn Viết Chiến, ông Nguyễn Danh Toàn, chị Nguyễn Thị Sáu và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Các ý kiến của những người này yêu cầu hai vợ chồng trả nợ là có căn cứ, được hai vợ chồng thừa nhận.

5.2. Xét ý kiến của bà Trần Thị Hiên, bà Nguyễn Thị Sáu, bà Nguyễn Thị Bảy, bà Trịnh Thị Lịch, chị Trần Thị Mai, anh Trần Văn Quyền, bà Phan Thị Hương, anh Trần Văn Thuận, chị Trần Thị Hiên, anh Trần Văn Thìn, anh Lê Văn Quân, anh Lê Văn Thanh, bà Phạm Thị Mùa, anh Trần Văn Mạnh, chị Trần Thị Mỹ Linh, chị Trần Thị Việt Trinh, chị Trần Thị Phi Nhung:

Những người này là con cháu của bà Nguyễn Thị Trung (Chứ) không có yêu cầu gì cả, nên Tòa án không xem xét.

5.3. Xét ý kiến của chị Trần Thị Phương, chị Trần Thị Thanh:

Hai người này không có yêu cầu gì về tài sản chung của hai vợ chồng, nên Tòa án không xem xét. Đối với ý kiến đề nghị được đi về lại trên nhà của bố mẹ, thì đây là phạm trù đạo đức, mối quan hệ giữa cha, mẹ con với nhau. Quyền sở hữu tài sản của cha, của mẹ, cho phép con được đi về hay không là quyền của cha mẹ.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên:

Các ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa.

[7] Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và án phí:

7.1. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

Tổng chi phí hết 7.581.000 đồng. Hai vợ chồng đều có yêu cầu giải quyết, cho nên, hai người phải chịu toàn bộ chi phí này. Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn Ch đã nộp trực tiếp chi phí mỗi người 3.790.500 đồng; cho nên không phải tiếp tục chịu, vì đã nộp trực tiếp theo quy định.

7.2. Về án phí:

Anh Trần Văn Ch phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Anh Trần Văn Ch, chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí trên tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng và tổng số tiền nợ chung của vợ chồng.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 59; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 12; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Văn Ch được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung với nhau; gồm Trần Thị Phương, sinh ngày 12/12/2001; Trần Thị Thanh, sinh ngày 17/09/2004; cháu Trần Văn Nhật Huy, sinh ngày 30/12/2009.

Hai con đã thành niên Tòa án không xem xét.

Giao cháu Trần Văn Nhật Huy, sinh ngày 12/12/2009 cho anh Trần Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Giao cho anh Trần Văn Ch được quyền sở hữu các tài sản bao gồm: 01 ngôi nhà ngói 04 gian cấp 4, nằm trên thửa đất ở số 2, tờ bản đồ số 6, xã TA, huyện Thanh Chương, trị giá: 245.088.000 đồng. 01 mái tôn trước nhà ngói 4 gian trị giá: 5.200.000 đồng. 01 sân bê tông nằm dưới mái tôn trị giá: 5.200.000 đồng. 01 sân bê tông (đường đi lại) trị giá: 4.500.000 đồng. 01 Nhà tắm và công trình vệ sinh, có bình nóng lạnh, tọc nước và giá đỡ trị giá: 3.976.000 đồng. 01 máy lạnh điều hòa trị giá: 2.000.000 đồng. 01 mái tôn nằm trên nhà tắm trị giá: 5.100.000 đồng. 01 Xái bếp trị giá: 1.146.000 đồng. 01 nhà kho trị giá: 1.238.000 đồng. 01 mái lợp ngói Pro xi măng nằm trước ràn ngói 3 gian trị giá: 11.772.000 đồng (*phần nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 6*). 01 cái giếng nước trị giá: 8.000.000 đồng. 04 cây mít, 01 cây xoài, 05 cây ổi, 01 cây khế trị giá tổng là: 2.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Trần Văn Ch được hưởng là: 295.420.000 đồng (*Hai trăm, chín mươi lăm triệu, bốn trăm, hai mươi nghìn đồng*)

Anh Trần Văn Ch có trách nhiệm trích tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H, số tiền là: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Tổng cộng tài sản anh Trần Văn Ch được quyền sở hữu sau khi đã trích chênh lệch tài sản là: 285.420.000 đồng (*Hai trăm, tám mươi lăm triệu, bốn trăm, hai mươi nghìn đồng*).

3.2. Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng và sở hữu:

Được quyền sử dụng 01 thửa đất rừng sản xuất, số thửa 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, huyện Thanh Chương, có diện tích: 13.626 m², trị giá: 68.130.000 đồng.

Được quyền sở hữu: 2.000 cây keo Tràm khoảng 4 năm tuổi, nằm trên thửa đất số 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, có trị giá: 35.000.000 đồng. 01 Ràn ngói 3 gian nằm trên thửa đất rừng số 377, tờ bản đồ số 1, xã TA, trị giá: 54.720.000 đồng. 01 xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 37E1 – 314.47 mang tên Nguyễn Thị H, trị

giá: 7.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu số tiền chênh lệch tài sản mà anh Trần Văn Ch, trích lại là: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Tổng tài sản chị Nguyễn Thị H được hưởng là: 174.850.000 đồng (*Một trăm bảy tư triệu, tám trăm, năm mươi nghìn đồng*).

(Nhưng chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển đi nơi khác phần Ràn ngói, khoảng 34 m² được xây dựng sang trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 6 xã TA).

4. Về nợ: Giao cho anh Trần Văn Ch, có trách nhiệm trả nợ:

4.1. Trả nợ cho anh Phan Sỹ Hùng, số tiền: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

4.2. Trả nợ cho anh Trần Văn Toàn, số tiền: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

4.3. Trả nợ cho chị Nguyễn Thị Bích, số tiền: 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

4.4. Trả nợ cho anh Nguyễn Viết Chiến, số tiền: 1.800.000 đồng (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*).

4.5. Trả nợ cho chị Nguyễn Thị Sáu, số tiền: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

4.6. Trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, số tiền: **42.153.797** đồng (*Bốn mươi hai triệu, một trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm chín bảy đồng*).

5. Về án phí; chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ:

5.1. Anh Trần Văn Ch, phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí xin ly hôn và 14.330.000 đồng (*Mười bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí chia tài sản và nợ chung vợ chồng. Anh Trần Văn Ch, được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009349, ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5.2. Chị Nguyễn Thị H phải chịu: 14.330.000 đồng (*Mười bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí chia tài sản và nợ chung vợ chồng. Chị Nguyễn Thị H được trừ đi số tiền: 14.330.000 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền đã tạm nộp là: 4.128.000 đồng (*Bốn triệu, một trăm hai mươi tám nghìn đồng*), theo biên

lai số 0009390, ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5.3. Anh Trần Văn Ch, có trách nhiệm chịu số tiền chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.790.500 đồng (*Ba triệu, bảy trăm, chín mươi nghìn, năm trăm đồng*). Nhưng anh Trần Văn Ch, không còn phải có nghĩa vụ thi hành khoản tiền này, vì đã bỏ ra nộp chi phí trực tiếp theo quy định.

5.4. Chị Nguyễn Thị H, có trách nhiệm chịu số tiền chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.790.500 đồng (*Ba triệu, bảy trăm, chín mươi nghìn, năm trăm đồng*). Nhưng chị Nguyễn Thị H, không còn phải có nghĩa vụ thi hành khoản tiền này, vì đã bỏ ra nộp chi phí trực tiếp theo quy định.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày 06/7/2023, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn